

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 12 - 2022.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
- ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh.

2. Ông Nguyễn Quốc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2022/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Chị Lý Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Vào năm 2010, anh Tr và chị Lý Thị T do quen biết và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Ngày 04/11/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã L,

huyện L, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Nay anh Tr yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lý Bảo A (giới tính: Nữ), sinh ngày 03/11/2010 và cháu Nguyễn Lý Bảo A1 (giới tính: Nam), sinh ngày 14/11/2014. Các cháu hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn anh Tr yêu cầu được nuôi các con chung, chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Tr thống nhất giao cháu A và cháu A1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu An và cháu Anh mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, cấp cho đến khi cháu A và cháu A1 tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: Có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các vấn đề còn lại anh Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lý Thị T trình bày:

Chị T thống nhất với lời trình bày của anh Tr về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nhưng nay chị T còn thương chồng và các con nên chị T xin được đoàn tụ.

Về con chung: Trường hợp anh Tuyên cương quyết xin ly hôn thì chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung, chưa yêu cầu anh Tr cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T thống nhất thuận tình ly hôn với anh Tr. Về tài sản chung chị T khai có nhưng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Các vấn đề còn lại chị T vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tr và chị T; Về con chung: Giao cháu An và cháu Anh cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai

có quyền cản trở; Về cấp dưỡng: Ghi nhận việc anh Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu A1 mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng. Về tài sản chung chưa yêu cầu nên chưa xem xét. Về nợ chung không có, nên không xem xét; Về án phí buộc anh Tr phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn chị Lý Thị T và yêu cầu được nuôi con. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con”. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tr và chị T tự nguyện kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh Tr và chị T được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống anh Tr và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh Tr cho rằng mâu thuẫn giữa anh Tr và chị T không thể hàn gắn, anh Tr không thể tiếp tục sống chung với chị T được nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị T. Thời gian ly thân kéo dài nhưng anh Tr và chị T không hàn gắn được. Đến thời điểm xét xử anh Tr vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa chị T cũng thống nhất thuận tình ly hôn với anh Tr. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tr và chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Tr và chị T về việc giao cháu A và cháu A1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu A1 mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, cấp cho đến khi cháu A và cháu A1 tròn 18 tuổi của anh Tr.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh Tr và chị T khai có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Anh Tr và chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Tr phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Tr và chị Lý Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lý Bảo A (giới tính: Nữ), sinh ngày 03/11/2010 và cháu Nguyễn Lý Bảo A1 (giới tính: Nam), sinh ngày 14/11/2014 cho chị Lý Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc anh Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu A1 mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, cấp cho đến khi cháu A và cháu A1 tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Anh Tr và chị T khai có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Tr và chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba

trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng. Khẩu trừ T tạm ứng án phí anh Tr đã nộp theo lai thu số 0006636 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Như vậy, anh Tr còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Thới Phần